

Số: **1961/QĐ-BNN-TCLN**

Hà Nội, ngày **23** tháng **8** năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ - CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ - CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp và Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

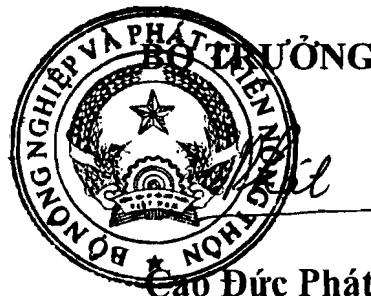
Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chi tiết tên, nội dung thủ tục hành chính theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Tổng cục, vụ, cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- UBND các Tỉnh/TP trực thuộc TƯ;
- Vụ Pháp chế (Phòng KSTTHC);
- Công thông tin điện tử Bộ;
- Lưu VT, TCLN.



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BAN CÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1961 /QĐ-BNN-TCLN ngày 23 tháng 8 năm 2013
của Bộ Công nghiệp và Phát triển nông thôn)



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP ĐỊA PHƯƠNG			
1	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.	Lâm nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh

www.LuatVietnam.vn

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác

1.1. Trình tự thực hiện

- Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài là chủ dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác chịu trách nhiệm tổ chức lập phương án trồng rừng thay thế, gửi 05 bộ hồ sơ (bao gồm: 01 bộ chính, 04 bộ sao) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định. Trường hợp phải xác minh thực địa, thì thời gian thẩm định phương án không được kéo dài quá 15 (mười lăm) ngày làm việc.

- Trường hợp hồ sơ không đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho chủ dự án đã gửi để biết.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét phê duyệt phương án. Trường hợp không đề nghị UBND cấp tỉnh xem xét phê duyệt phương án, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết lý do.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị phê duyệt phương án của Sở NN&PTNT trình, UBND cấp tỉnh phải phê duyệt phương án; trường hợp không phê duyệt, UBND cấp tỉnh phải thông báo cho Sở NN&PTNT rõ lý do để trả lời cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết.

1.2. Cách thức thực hiện

Trực tiếp hoặc qua bưu điện.

1.3. Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị phê duyệt phương án theo mẫu tại Phụ lục 01 của Thông tư 24/2013/TT - BNNPTNT ngày 06/5/2013.

- Phương án lập theo mẫu tại Phụ lục 02 của Thông tư 24/2013/TT - BNNPTNT ngày 06/5/2013.

- Số lượng bộ hồ sơ: 05 bộ (01 bản chính và 04 bản sao).

1.4. Thời hạn giải quyết

Trong thời hạn 20-35 ngày làm việc.

1.5. Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên & Môi trường, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức khoa học có liên quan.

1.6. Đối tượng thực hiện TTHC

- Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài.

1.7. Mẫu đơn, tờ khai

- Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Thông tư 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013.

1.8. Lệ phí: Không

1.9. Kết quả thực hiện TTHC

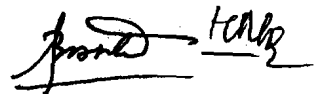
- Kết quả: Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.

- Thời hạn hiệu lực của kết quả: Theo Quyết định.

1.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.



BIỂU THÔNG KÊ TTHC 1

Tên thủ tục hành chính: Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác.

Tên đơn vị kê khai: Tổng cục lâm nghiệp

Lĩnh vực: Lâm nghiệp

1. Trình tự thực hiện	<p>1. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài là chủ dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác chịu trách nhiệm tổ chức lập phương án trồng rừng thay thế, gửi 05 bộ hồ sơ (bao gồm: 01 bộ chính, 04 bộ sao) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;</p> <p>2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định. Trường hợp phải xác minh thực địa, thì thời gian thẩm định phương án không được kéo dài quá 15 (mười lăm) ngày làm việc.</p> <p>3. Trường hợp hồ sơ không đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho chủ dự án đã gửi để biết.</p> <p>4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét phê duyệt phương án. Trường hợp không đề nghị UBND cấp tỉnh xem xét phê duyệt phương án, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết lý do.</p> <p>5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị phê duyệt phương án của Sở NN&PTNT trình, UBND cấp tỉnh phải phê duyệt phương án; trường hợp không phê duyệt, UBND cấp tỉnh phải thông báo cho Sở NN&PTNT rõ lý do để trả lời cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết.</p>
2. Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp - Qua đường bưu điện</p>
3. Hồ sơ	<p style="text-align: center;">Tên thành phần hồ sơ</p> <p>1. Văn bản đề nghị phê duyệt phương án theo mẫu tại Phụ lục 01 của Thông tư này.</p> <p>2. Phương án lập theo mẫu tại Phụ lục 02 của Thông tư này.</p> <p>3. Bản đồ thiết kế và các tài liệu liên quan</p> <p>Số lượng bộ hồ sơ: 05 bộ (01 bộ chính; 04 bộ sao)</p>

4. Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 20 - 35 ngày làm việc
5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT; d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên & Môi trường, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức khoa học có liên quan.
6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, các cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
7. Lệ phí	Không
8. Mẫu đơn, tờ khai	Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Thông tư 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013.
9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác. - Thời hạn có hiệu lực: Theo Quyết định
10. Điều kiện thực hiện TTHC	Không
11. Căn cứ pháp lý của TTHC	Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
12. Liên hệ	Tên: Nguyễn Thị Hạnh Địa chỉ: Vụ Kế hoạch - Tài chính - Tổng cục Lâm nghiệp - Số 02 - Ngọc Hà - Ba Đình - Hà Nội Điện thoại: 37.349.081. Email: nguyenhanhvukhtc@gmail.com

Handwritten mark

Handwritten signature

Phụ lục 01: ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 5 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm.....

ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN
TRỒNG RỪNG THAY THẾ KHI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
SANG SỬ DỤNG CHO MỤC KHÁC

Dự án:.....

Kính gửi :.....

Tên tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Căn cứ Thông tư 24/2013 /TT-BNNPTNT ngày 6 /5/2013 Quy định về
trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang sử dụng cho mục
đích khác, đề nghị phê duyệt phương án trồng rừng thay thế như sau:

Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng:

Loại rừng chuyển mục đích sử dụng:

Đối tượng rừng chuyển đổi:

Diện tích đất trồng rừng thay thế:

Vị trí trồng rừng thay thế: thuộc khoảnh..., tiểu khu.... xã....huyện....tỉnh...

Thuộc đối tượng đất rừng (Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất):.....

Phương án trồng rừng thay thế:

- Loài cây trồng.....

- Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài):.....

- Mức đầu tư bình quân 1 ha (triệu đồng):.....

- Thời gian trồng:.....

Tổng mức đầu tư trồng rừng thay thế:.....

.....(tên tổ chức) cam đoan thực hiện đúng quy định của nhà nước
về trồng rừng thay thế, nếu vi phạm hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

Handwritten signature

Người đại diện của tổ chức

(ký, đóng dấu)

Handwritten signature

Phụ lục 02: PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2013/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 5 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG

III. KHÁI QUÁT VỀ DIỆN TÍCH RỪNG, ĐẤT RỪNG CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH

1. Tên dự án:
2. Vị trí khu rừng: Diện tích.....ha, Thuộc khoảnh,lô
Các mặt tiếp giáp.....;
- Địa chỉ khu rừng: Thuộc xã.....huyện.....tỉnh.....;
3. Địa hình: Loại đất.....độ dốc.....;
4. Khí hậu:.....;
5. Tài nguyên rừng (nếu có): Loại rừng

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

V. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Phương án án 1: Chủ đầu tư tự thực hiện

- Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng:
 - Loại rừng chuyển mục đích sử dụng:
 - Đối tượng rừng chuyển đổi:
 - + Trạng thái rừng.....
 - + Trữ lượng rừng.....m³, tre, nứa.....cây
 - Diện tích đất trồng rừng thay thế:
 - + Vị trí trồng: thuộc khoảnh..., tiểu khu.... xã.....huyện....tỉnh...
 - + Thuộc đối tượng đất rừng (Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất):.....
 - Kế hoạch trồng rừng thay thế
 - + Loài cây trồng.....
 - + Mật độ.....
 - + Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài):.....
 - + Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng:
 - + Thời gian và tiến độ trồng:.....
 - + Xây dựng đường băng cản lửa.....
 - + Mức đầu tư bình quân 1 ha (triệu đồng):.....
 - + Tổng vốn đầu tư trồng rừng thay thế.
- 2. Phương án 2: Nộp tiền về quỹ bảo vệ và phát triển rừng (do hết quỹ đất)**
- Lý do xây dựng phương án
 - Dự toán kinh phí thực hiện phương án

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....

